

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
NGÀNH ĐẠI HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 48 tháng

(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã số học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Loại giờ TC		Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ TH/TL	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		41			
1.1	Lý luận cơ sở					
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	6	Không
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	9	ĐC001
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	6	ĐC001 ĐC002
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36	9	ĐC001 ĐC002
1.2	Khoa học xã hội - Nhân văn					
5.	ĐC005	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2	24	6	ĐC001 ĐC002 ĐC003
6.	ĐC006	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	36	9	Không
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	36	9	Không
8.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	36	9	Không
9.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	Không
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2	24	6	Không
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh Thế giới	3	36	9	Không
12.	ĐC014	Tiếng Việt Thực hành	3	36	9	Không
	Ngoại ngữ					
13.	NN001	Tiếng Anh 1	4	48	12	Không
14.	NN002	Tiếng Anh 2	3	36	9	NN001
	Tin học					
15.	ĐC012	Tin học đại cương	3	15	60	Không
Giáo dục thể chất			5			
16.	GDTC	Giáo dục thể chất	5			Không
Giáo dục quốc phòng - an ninh			8			
17.	GDQP	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8			Không
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		72			

2.1	Kiến thức cơ sở ngành		24			
18.	QVH011	Xã hội học đại cương	2	24	6	Không
19.	QN001	Logic học	3	36	9	Không
20.	QN002	Đạo đức công vụ	2	24	6	
21.	QVH010	Đại cương khoa học quản lý	3	36	9	Không
22.	QVH006	Khu vực học	2	24	6	Không
23.	QN004	Hiến pháp và luật tổ chức bộ máy nhà nước	3	36	9	Không
24.	QN005	Luật hành chính	3	36	9	Không
25.	QN006	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	3	36	9	Không
26.	QN007	Luật lao động	3	36	9	Không
2.2	Kiến thức chuyên ngành:		48			
27.	QN008	Hành chính công	3	36	9	Không
28.	QN009	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	3	36	9	Không
29.	QN010	Tổ chức nhân sự hành chính nhà nước	3	36	9	Không
30.	VH10002	Văn hóa công sở	3	36	9	Không
31.	TTH026	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	24	6	Không
32.	QN012	Kỹ thuật điều hành công sở	3	36	9	Không
33.	QN013	Văn bản quản lý nhà nước	3	36	9	Không
34.	QN014	Công tác văn thư lưu trữ	3	36	9	Không
35.	QN015	Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý	2	24	6	Không
36.	QN016	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	36	9	Không
37.	QN017	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	3	36	9	Không
38.	QVH007	Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	36	9	
39.	QN018	Quản lý nhà nước về Đô thị	2	24	6	Không
40.	QN019	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	2	24	6	Không
41.	QN020	Quản lý nhà nước về hành chính - tư pháp	2	24	6	Không
42.	QN021	Công vụ - Công chức	3	36	9	Không
43.	QN022	Thủ tục hành chính	3	36	9	Không
44.	QN023	Quản lý địa giới hành chính	2	24	6	Không
3	Thực tế và Thực tập cuối khóa		13			
45.		Thực tế nghề nghiệp 1	3		90	
46.		Thực tế nghề nghiệp 2	3		90	
47.		Thực tập cuối khóa	7		210	
Tổng cộng: (chưa tính GDTC và GDQP)			126			

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Phân kỳ								Khoa/ Bộ môn CN
				1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		41									
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	2	2								LLCT
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	3		3							LLCT
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						LLCT
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng CSVN	2			2						
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3							KHCB
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3		3							
8.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	3								
9.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2						
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2				2					
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	3	3								
12.	ĐC014	Tiếng Việt Thực hành	3		3							
13.	NN001	Tiếng Anh 1	4	4								NN
14.	NN002	Tiếng Anh 2	3		3							NN
15.	ĐC012	Tin học đại cương	3	3								TTH
	Giáo dục thể chất		5									
16.	GDTC	Giáo dục thể chất	5									TH TDTT
	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8									
17.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng-an ninh	8									
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		72									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		24									
18.	QVH011	Xã hội học đại cương	2				2					CTXH
19.	QN001	Logic học	3			3						QLNN
20.	QN002	Đạo đức công vụ	2					2				
21.	QVH010	Đại cương khoa học quản lý	3			3						
22.	QVH006	Khu vực học	2			2						CTXH
23.	QN004	Hiến pháp và luật tổ chức bộ máy nhà nước	3				3					QLNN
24.	QN005	Luật hành chính	3				3					
25.	QN006	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	3			3						
26.	QN007	Luật lao động	3					3				
2.2	Kiến thức chuyên ngành		48									
27.	QN008	Hành chính công	3					3				QLNN
28.	QN009	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	3					3				
29.	QN010	Tổ chức nhân sự hành chính	3					3				QLNN

		nhà nước											
30.	VH10002	Văn hóa công sở	3					3					QLVH
31.	TTH026	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2						2				TTH
32.	QN012	Kỹ thuật điều hành công sở	3						3				QLNN
33.	QN013	Văn bản quản lý nhà nước	3						3				
34.	QN014	Công tác văn thư lưu trữ	3						3				
35.	QN015	Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý	2						2				
36.	QN016	Quản lý nhà nước về kinh tế	3							3			
37.	QN017	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	3							3			QLVH
38.	QVH007	Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3							3			
39.	QN018	Quản lý nhà nước về Đô thị	2							2			QLNN
40.	QN019	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	2							2			
41.	QN020	Quản lý nhà nước về hành chính - tư pháp	2					2					
42.	QN021	Công vụ - công chức	3									3	
43.	QN022	Thủ tục hành chính	3									3	
44.	QN023	Quản lý địa giới hành chính	2									2	
3	Thực tế và Thực tập cuối khóa		13										
45.		Thực tế nghề nghiệp 1	3				3						
46.		Thực tế nghề nghiệp 2	3							3			
47.		Thực tập cuối khóa	7									7	
Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQP)			126	15	15	17	16	17	15	16	15		

